



## Thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Đồng Thành Nhân

*Trường Trung học cơ sở Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*

### THÔNG TIN BÀI BÁO

*Quá trình xử lý:*

*Ngày nhận bài: 15/11/2024*

*Ngày nhận bản chỉnh sửa: 31/12/2024*

*Ngày nhận đăng: 03/01/2025*

*Ngày xuất bản: 20/12/2025*

*Từ khóa:*

*Phẩm chất;*

*Năng lực;*

*Giáo viên;*

*Trường trung học cơ sở.*

### TÓM TẮT

Phẩm chất và năng lực của giáo viên là những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Bài báo này trình bày kết quả đánh giá thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tác giả đã khảo sát 20 cán bộ quản lý, 204 giáo viên trung học cơ sở. Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ giáo viên nhà trường đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu về phẩm chất và năng lực. Tuy vậy, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, cần khắc phục. Thực trạng này sẽ là cơ sở để các nhà trường đề xuất những biện pháp nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai trong thời gian sắp tới.

### 1. GIỚI THIỆU

Trong thời gian qua, việc đổi mới đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đang được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Điều này cũng đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng trước đây, đặc biệt là trong Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (Ban Chấp hành Trung ương, 2013) đã xác định: Phát triển đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục là khâu đột phá, để thực hiện chủ trương đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa về hội nhập quốc tế. Hay trong Luật Giáo dục (sửa đổi năm 2019) đã khẳng định: “Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục” (Quốc Hội, 2019). Vậy, muốn giáo dục và đào tạo phát triển thì GV phải đảm bảo về phẩm chất và năng lực trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm GV trung học phổ thông và GV trung học cơ sở (THCS)), được thể hiện tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 nhằm đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực nghề nghiệp của GV, xếp loại GV hằng năm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Các tác giả Mc, C. B trong nghiên cứu “Training Teachers for 21st Century Classrooms” đã nêu lên định nghĩa về năng lực nghề nghiệp của GV là khả năng tạo ra sự hiệu quả trong việc xây dựng và truyền đạt những kế hoạch dạy học tới người học, trong quá trình thực hiện kế hoạch dạy học, GV luôn tạo môi trường, điều kiện và thúc đẩy người học trải nghiệm để đạt được mục tiêu học (Mc, 2011). Ở trong nước, tác giả Lê Minh Cường đi sâu nghiên cứu năng lực dạy học của GV đã chỉ ra năng lực dạy học của GV trong bối cảnh ra đời của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 cần có: năng lực dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học, năng lực dạy học tích hợp, năng lực dạy học phân hóa, năng lực dạy học cá biệt, năng lực sử dụng phương pháp dạy học tích cực, năng lực sử dụng các phương tiện công cụ dạy học hiện đại, năng lực

*Tác giả liên hệ: Đồng Thành Nhân;*

*Địa chỉ e-mail: dongthanhnhan012379@gmail.com*

*DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.147.2025>*

tư vấn học tập cho người học (Lê, 2019). Tác giả Phạm Thị Kim Anh trong bài viết Thực trạng năng lực đội ngũ GV phổ thông trung học trước yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, căn cứ trên các số liệu khảo sát để khẳng định: “Năng lực đội ngũ GV phổ thông đang là vấn đề đáng lo ngại trước yêu cầu đổi mới giáo dục” (Phạm, 2016). Tác giả Cái Thị Lê Nương và Thai Sắc năm 2022 cũng đã đưa ra vai trò, phẩm chất và năng lực của GV trong dạy – học trực tuyến (Cái & Thai, 2022). Tác giả Dương Anh Tuấn đã phân tích Thực trạng quản lý việc bồi dưỡng GV THCS đạt chuẩn nghề nghiệp ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Từ đó, tác giả đưa ra khẳng định về việc phát triển năng lực, phẩm chất cho GV là nhiệm vụ thiết yếu (Dương, 2019). Cùng với đó tác giả Nguyễn Thị Toan và cộng sự cũng đã phân tích về thực trạng sự đáp ứng chuẩn phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV giáo dục công dân Hà Nội. Kết quả cũng cho thấy đa phần các GV nhà trường đều đáp ứng chuẩn về phẩm chất và năng lực ở mức khá và tốt (Nguyễn et al., 2020).

Trong thời gian qua huyện Nhơn Trạch đã có những bước chuẩn bị để bắt kịp sự đổi mới trong giáo dục hiện nay, từ việc định hướng cho GV về sự thay đổi, góp ý vào dự thảo thay sách giáo khoa, tổ chức các chuyên đề môn học hay tổ chức các cuộc thi... Từ những cố gắng trên, ngành giáo dục huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã gặt hái được nhiều kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác quản lý đội ngũ GV THCS để đáp ứng yêu cầu đổi mới còn một số bất cập hạn chế: chất lượng đội ngũ không đồng đều, chưa hợp lý giữa các môn học, chưa có GV đào tạo dạy theo hướng tích hợp, dạy các môn học mới như hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương. Năng lực sử dụng ngoại ngữ, tin học, ứng dụng chuyển đổi số của một số CBQL, GV còn thấp. Một bộ phận GV còn yếu về năng lực sư phạm, chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp theo quy định; thiếu tâm huyết, thậm chí có biểu hiện thiếu trách nhiệm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Ý thức tự bồi dưỡng, tự học tập để chuẩn hóa trình độ của đội ngũ GV để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa thật tốt. Công tác đánh giá, xếp loại GV có nơi chưa thực chất, chưa phản ánh đúng năng lực gây khó khăn cho việc bố trí, sắp xếp đội ngũ theo vị trí việc làm. Bên cạnh đó, vấn đề phẩm chất, năng lực của GV THCS trên địa bàn huyện Nhơn Trạch vẫn chưa có đề tài nào tiến hành nghiên cứu. Xuất phát từ các lý do trên, tôi đã lựa chọn đề tài “Thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ GV THCS tại huyện Nhơn Trạch” để nghiên cứu dựa trên quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông. Qua đó làm cơ sở để các nhà trường đề xuất những biện pháp nhằm phát triển toàn diện đội ngũ GV nhà trường hiện nay.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng khảo sát

Tác giả đã tiến hành khảo sát 20 CBQL và 204 GV THCS ở 8 trường THCS trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Vĩnh Thanh, Phú Đông, Phú Thạnh, Đại Phước).

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ GV THCS tại huyện Nhơn Trạch. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc. Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính tỉ lệ %, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) thông qua phần mềm SPSS 20.0. Ngoài ra tác giả cũng sử dụng thêm phương pháp phỏng vấn nhằm thu thập thêm các ý kiến cho đề tài nghiên cứu của mình. Trong nghiên cứu này ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đánh giá năng lực của GV THCS trong các lĩnh vực phẩm chất nhà giáo, phát triển chuyên môn, xây dựng môi trường giáo dục và mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội là yếu tố then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Các kết quả khảo sát chỉ ra rằng, mặc dù có sự phát triển tích cực ở một số khía cạnh, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế cần được khắc phục để phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các kết quả được thể hiện như sau:

### 3.1. Thực trạng phẩm chất nhà giáo của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Kết quả khảo sát tại bảng 1 cho thấy phẩm chất nhà giáo của GV THCS được đánh giá ở mức “Tốt” với ĐTB là 4,53 và ĐLC là 0,617. Điều này phản ánh một mặt bằng chung tốt về phẩm chất nhà giáo, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản trong công tác giáo dục.

Cụ thể, phẩm chất “Đạo đức nhà giáo” được đánh giá với ĐTB = 4,46 và ĐLC = 0,620, cho thấy đây là một trong những yếu tố quan trọng được đội ngũ cán bộ quản lý và GV đánh giá cao. GV THCS cần thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, bao gồm phẩm chất chính trị, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, cũng như năng lực tự học và đổi mới trong công việc. Đồng thời, GV cần thể

hiện sự ảnh hưởng tích cực đến học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường và địa phương.

Bên cạnh đó, phẩm chất "Phong cách nhà giáo" được đánh giá cao hơn, với ĐTB = 4,60 và DLC = 0,613. Phong cách nhà giáo phản ánh cách thức làm việc, ứng xử, và thái độ chuyên nghiệp của GV trong công việc. Đây không chỉ là đặc điểm cá nhân mà còn là yếu tố định hình sự tôn trọng và uy tín trong xã hội. Việc bồi dưỡng và phát triển phong cách GV là cần thiết để tiếp tục củng cố vị thế của người thầy, người cô - những "kỹ sư tâm hồn" có vai trò không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn xây dựng và phát triển nhân cách cho học sinh.

**Bảng 1.** Đánh giá của cán bộ quản lý, GV về phẩm chất nhà giáo của GV THCS

| STT                     | Phẩm chất           | Phần trăm |   |     |      |      | ĐTB         | DLC          |
|-------------------------|---------------------|-----------|---|-----|------|------|-------------|--------------|
|                         |                     | 1         | 2 | 3   | 4    | 5    |             |              |
| 1                       | Đạo đức nhà giáo    | 0         | 0 | 6,7 | 40,2 | 53,1 | 4,46        | 0,620        |
| 2                       | Phong cách nhà giáo | 0         | 0 | 6,7 | 26,8 | 66,5 | 4,60        | 0,613        |
| <b>Trung bình chung</b> |                     |           |   |     |      |      | <b>4,53</b> | <b>0,617</b> |

### 3.2. Thực trạng về năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Bảng 2.** Đánh giá của cán bộ quản lý, GV về năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV THCS

| STT                     | Năng lực                                                                                    | Phần trăm |     |      |      |      | ĐTB         | DLC          |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|------|------|------|-------------|--------------|
|                         |                                                                                             | 1         | 2   | 3    | 4    | 5    |             |              |
| 1                       | Phát triển chuyên môn bản thân.                                                             | 0         | 0   | 7,1  | 57,1 | 35,7 | 4,29        | 0,590        |
| 2                       | Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.   | 0         | 0   | 7,1  | 37,9 | 54,9 | 4,48        | 0,628        |
| 3                       | Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. | 0         | 0   | 6,7  | 45,1 | 48,2 | 4,42        | 0,615        |
| 4                       | Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.                      | 0         | 4,5 | 23,2 | 43,8 | 28,6 | 3,96        | 0,836        |
| 5                       | Tư vấn và hỗ trợ học sinh.                                                                  | 0         | 0   | 7,1  | 45,1 | 47,8 | 4,41        | 0,621        |
| <b>Trung bình chung</b> |                                                                                             |           |     |      |      |      | <b>4,31</b> | <b>0,658</b> |

Kết quả khảo sát từ bảng 2 cho thấy năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV THCS được đánh giá ở mức "Tốt" với ĐTB là 4,31 và DLC là 0,658. Đây là kết quả tích cực, phản ánh sự đáp ứng của đội ngũ GV với các yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Trong nhóm các năng lực được khảo sát, "Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh" được đánh giá cao nhất với ĐTB = 4,48 tương ứng với mức tốt và DLC = 0,628. Điều này cho thấy GV đã nắm vững và áp dụng tốt các kỹ năng lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của học sinh.

"Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh" cũng đạt mức tốt với ĐTB = 4,42, chứng minh rằng đội ngũ GV đang dần thích nghi và vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tương tự, năng lực "Tư vấn và hỗ trợ học sinh" đạt ĐTB = 4,41, phản ánh vai trò quan trọng của GV trong việc đồng hành, hướng dẫn và hỗ trợ học sinh về cả học tập lẫn các vấn đề tâm lý, xã hội.

Tuy nhiên, "Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh" có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 3,96 tương ứng với mức khá, DLC = 0,836), cho thấy đây là lĩnh vực mà GV cần được bồi dưỡng thêm. Điều này có thể xuất phát từ việc các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá chưa được ưu tiên trong các chương trình đào tạo và tập huấn. Theo chia sẻ của một GV, nội dung này ít được quan tâm so với các phương pháp dạy học khác, dẫn đến năng lực kiểm tra, đánh giá của GV còn hạn chế.

Nhìn chung, để đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, GV THCS cần tiếp tục được bồi dưỡng và phát triển các năng lực chuyên môn, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá. Đồng thời, cần xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, nơi học sinh được bảo vệ cả về thể chất lẫn tinh thần, góp phần giảm thiểu bạo lực học đường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

### 3.3. Thực trạng về năng lực xây dựng môi trường giáo dục của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Bảng 3.** Đánh giá của cán bộ quản lý, GV về năng lực xây dựng môi trường giáo dục của GV THCS

| STT                     | Năng lực                                                                 | Phần trăm |   |     |      |      | ĐTB         | ĐLC          |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---|-----|------|------|-------------|--------------|
|                         |                                                                          | 1         | 2 | 3   | 4    | 5    |             |              |
| 1                       | Xây dựng văn hóa nhà trường.                                             | 0         | 0 | 6,7 | 40,2 | 53,1 | 4,46        | 0,620        |
| 2                       | Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường.                                | 0         | 0 | 6,7 | 44,2 | 49,1 | 4,42        | 0,616        |
| 3                       | Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. | 0         | 0 | 6,7 | 27,7 | 65,6 | 4,59        | 0,615        |
| <b>Trung bình chung</b> |                                                                          |           |   |     |      |      | <b>4,49</b> | <b>0,617</b> |

Kết quả khảo sát từ bảng 3 cho thấy năng lực xây dựng môi trường giáo dục của GV THCS được đánh giá ở mức “Tốt” với ĐTB chung là 4,49 và ĐLC là 0,617. Cho thấy GV đã nắm bắt và phát huy được vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đáp ứng các yêu cầu của giáo dục hiện đại.

Trong các khía cạnh được đánh giá, năng lực “Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường” có điểm trung bình cao nhất tương ứng với mức tốt (ĐTB = 4,59, ĐLC = 0,615). Đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy GV đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đảm bảo sự an toàn và tạo môi trường học đường lành mạnh, không bạo lực, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Năng lực “Xây dựng văn hóa nhà trường” được đánh giá ở mức cao (ĐTB = 4,46, mức tốt), thể hiện rằng GV đã tham gia tích cực vào việc xây dựng một môi trường giáo dục có nền tảng văn hóa lành mạnh, tôn trọng và gắn kết giữa các thành viên trong nhà trường. Đồng thời, năng lực “Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường” đạt ĐTB = 4,42, phản ánh nỗ lực của GV trong việc thúc đẩy dân chủ, đảm bảo mọi thành viên trong trường học, bao gồm cả học sinh và GV, được tham gia và có tiếng nói trong các hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, một số ý kiến nhỏ vẫn cho rằng năng lực xây dựng môi trường giáo dục của một bộ phận GV còn hạn chế, đòi hỏi sự cải thiện trong thời gian tới. Để nâng cao hiệu quả giáo dục, GV cần không chỉ tập trung vào chuyên môn mà còn cần phát triển năng lực phối hợp với gia đình và xã hội. Môi trường giáo dục sẽ chỉ đạt hiệu quả cao nhất khi có sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

### 3.4. Thực trạng về năng lực phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**Bảng 4.** Đánh giá của cán bộ quản lý, GV về năng lực phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội của GV THCS

| STT                     | Năng lực                                                                                         | Phần trăm |   |      |      |      | ĐTB         | ĐLC          |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---|------|------|------|-------------|--------------|
|                         |                                                                                                  | 1         | 2 | 3    | 4    | 5    |             |              |
| 1                       | Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan.    | 0         | 0 | 8,5  | 70,5 | 21,0 | 4,13        | 0,529        |
| 2                       | Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh.          | 0         | 0 | 13,4 | 38,8 | 47,8 | 4,34        | 0,704        |
| 3                       | Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. | 0         | 0 | 13,8 | 41,1 | 45,1 | 4,31        | 0,703        |
| <b>Trung bình chung</b> |                                                                                                  |           |   |      |      |      | <b>4,26</b> | <b>0,645</b> |

Kết quả khảo sát tại bảng 4 về năng lực phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội của GV THCS cho thấy, tổng thể, năng lực này của GV được đánh giá ở mức “Tốt”, với ĐTB chung đạt 4,26.

Trong ba biểu hiện đánh giá năng lực này, “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh” đạt điểm cao nhất (ĐTB=4,34, mức tốt). Chia sẻ về điều này, một GV THCS cho biết: “Chúng tôi thường xuyên thông báo cho phụ huynh về tình hình học tập, dạy học thông qua nhóm zalo, Vnedu ngoài ra, còn thông qua các lần họp phụ huynh chính thức trong năm. Có những trường hợp đặc biệt, chúng tôi gặp trực tiếp phụ huynh hoặc trao đổi nhanh khi phụ huynh đón con”. Nhiều GV cho rằng đây là công việc chủ yếu của Ban giám hiệu nhà trường, và họ ít khi kết nối với các đối tác xã hội khác.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng GV THCS cần phải năng động hơn trong việc phối hợp với gia đình và xã hội trong các hoạt động liên quan đến giáo dục học sinh. Cụ thể, GV cần chủ động cung cấp thông tin về chương trình dạy học, kế hoạch giảng dạy của khối lớp, cũng như các nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường. Điều này giúp phụ huynh và các bên liên quan hiểu rõ hơn về môi trường học tập và giáo dục

của con em mình. Đồng thời, GV cũng cần tích cực tham gia vào việc tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, góp phần hình thành nhân cách và giá trị sống tốt đẹp cho học sinh.

Ngoài ra, việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ gia đình, xã hội cũng là yếu tố quan trọng để phát triển nhà trường theo các quy định hiện hành. GV cần chủ động tham gia vào các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường, đồng thời phát huy vai trò của mình trong việc tạo ra một môi trường học tập an toàn, lành mạnh.

**3.5. Thực trạng về năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

Để nâng cao hiệu quả trong việc phát triển năng lực, GV cũng cần làm chủ ngoại ngữ và công nghệ thông tin,... Đây là những công cụ quan trọng giúp GV tiếp cận với các nguồn tri thức quốc tế, đồng thời sử dụng phương pháp dạy học tích cực, sáng tạo hơn, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục và cải thiện mối quan hệ giữa các bên liên quan.

**Bảng 5.** Đánh giá của cán bộ quản lý, GV về năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục của GV THCS

| STT                     | Năng lực                                                                                         | Phần trăm |   |      |      |      | ĐTB         | ĐLC          |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---|------|------|------|-------------|--------------|
|                         |                                                                                                  | 1         | 2 | 3    | 4    | 5    |             |              |
| 1                       | Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc.                                                            | 0         | 0 | 36,6 | 63,4 | 0    | 3,63        | 0,483        |
| 2                       | Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục. | 0         | 0 | 34,8 | 54,9 | 10,3 | 3,75        | 0,626        |
| <b>Trung bình chung</b> |                                                                                                  |           |   |      |      |      | <b>3,69</b> | <b>0,555</b> |

Kết quả khảo sát bảng 5 về năng lực của GV THCS trong việc sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục cho thấy đa số GV được đánh giá ở mức "Khá", ĐTB chung thấp nhất là 3,69, cho thấy đây là một trong những năng lực còn hạn chế và thấp nhất trong số các năng lực trên.

Cụ thể, trong hai năng lực được khảo sát, năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc có ĐTB thấp nhất (3,63), với 63,4% GV được đánh giá ở mức "Khá", và không có GV nào đánh giá ở mức "Tốt". Một lý do giải thích cho kết quả này là nhiều GV trong các trường THCS có độ tuổi khá lớn, nên khả năng sử dụng ngoại ngữ còn gặp khó khăn. Một cán bộ quản lý cho biết: "*Các GV trong trường khá lớn tuổi nên năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp còn gặp khó khăn. Trong thời gian vừa qua, để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, GV tham gia các tập huấn chuyên môn chủ yếu về Chương trình mới, phương pháp dạy học, đánh giá học sinh. Ngoại ngữ và công nghệ thông tin chủ yếu là tự bồi dưỡng. Tuy nhiên, GV ít có cơ hội để sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp. Đây là lý do chính khiến năng lực ngoại ngữ của họ còn hạn chế.*"

Bên cạnh đó, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục được đánh giá cao hơn, với ĐTB là 3,75 (tương ứng với mức khá), trong đó 54,9% GV được đánh giá ở mức "Khá" và 10,3% ở mức "Tốt". Mặc dù vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cũng gặp phải những khó khăn, nhất là trong bối cảnh các bộ sách giáo khoa mới được thiết kế theo hướng ứng dụng công nghệ. Do đó, GV cần phải tiếp tục rèn luyện và nâng cao năng lực này để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục hiện đại.

Tóm lại, mặc dù cả hai năng lực này đều được đánh giá ở mức khá, nhưng năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của GV THCS vẫn còn nhiều hạn chế, cần có những biện pháp can thiệp và hỗ trợ phù hợp để nâng cao chất lượng giảng dạy.

#### 4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ GV THCS tại huyện Nhơn Trạch cho thấy: Đa phần GV tại các trường THCS ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã đáp ứng tốt các yêu cầu về phẩm chất và năng lực mà Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu. Cụ thể các phẩm chất về đạo đức, phong cách nhà giáo hay các năng lực về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực xây dựng môi trường giáo dục; năng lực phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội đều được các GV đáp ứng tốt. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Cụ thể, trong lĩnh vực kiểm tra và đánh giá học sinh, GV vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại, phù hợp với yêu cầu của chương trình mới. Bên cạnh đó, năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin của GV còn hạn chế, đặc biệt là đối với các GV có độ tuổi lớn, khiến việc triển khai các phương pháp dạy học tích cực và sáng tạo còn

gặp nhiều thách thức. Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần có các biện pháp hỗ trợ và bồi dưỡng liên tục cho đội ngũ GV, đặc biệt là trong các lĩnh vực còn yếu như kiểm tra, đánh giá và ứng dụng công nghệ cũng như sử dụng ngoại ngữ trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Cái, T. L. N., & Thai, S. (2022). Vai trò, phẩm chất và năng lực của giáo viên trong dạy – học trực tuyến. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(6), 87–93.
- Lê, M. C. (2019). Đổi mới công tác bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt kỳ II tháng 5/2019.
- Mc, C. B. (2011). Training teachers for 21st century classrooms. *THE Journal: Transforming Education Through Technology*. <https://thejournal.com/article/2011/03/30/training-teacher-for-21th-century-classrooms.aspx>
- Nguyễn, T. T., Nguyễn, N. D., & Nguyễn, T. X. (2020). Thực trạng sự đáp ứng chuẩn phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên giáo dục công dân Hà Nội. *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 65(4), 78–87. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2020-0079>
- Phạm, T. K. A. (2016). Thực trạng năng lực đội ngũ giáo viên phổ thông trung học trước yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Trong *Kỷ yếu hội thảo quốc tế của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* ngày 9/12/2016.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục (sửa đổi)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Dương, A. T. (2019). Thực trạng quản lý việc bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở đạt chuẩn nghề nghiệp ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 458, 11–15, 31.

## Current status of quality and capacity of teaching staff at secondary school in Nhon Trach district, Dong Nai province

Dong Thanh Nhan

Long Tho Secondary School, Nhon Trach District, Dong Nai Province

### ARTICLE INFO

#### Article history:

Received: 15 November 2024

Received in revised form: 31 December 2024

Accepted: 03 January 2025

Published: 20 December 2025

#### Keywords:

Qualities;

Capacities;

Teachers;

Secondary schools.

#### Corresponding author:

Dong Thanh Nhan

E-mail address:

[dongthanhnhnhan012379@gmail.com](mailto:dongthanhnhnhan012379@gmail.com)

### ABSTRACT

Teachers' qualities and capacities are important factors determining the quality of education. This article presents the results of the assessment of the current status of qualities and capacities of secondary school teachers in Nhon Trach District, Dong Nai Province. The author surveyed 20 managers and 204 secondary school teachers. The survey results show that the school's teaching staff has met most of the requirements for qualities and capacities. However, there are still limitations that need to be overcome. This situation will be the basis for schools to propose measures to develop the qualities and capacities of teachers in secondary schools in Nhon Trach district, Dong Nai province, in the near future.